TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:228/2020/DS-PT

Ngày: 09 - 7 - 2020

V/v tranh chấp "Chia di sản thừa kế".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Hiệp.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thanh Triều.

Bà Trần Thị Kim Em.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Võ Thị Liễu Hạnh - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên toà:*** Bà Phan Thị Thanh Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2020, tại Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 280/2020/TLPT-DS ngày 29 tháng 04 năm 2020 về việc tranh chấp "Chia di sản thừa kế".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 423/2019/DS-ST ngày 30 tháng 11 năm 2019 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 287/2020/QĐ-PT ngày 28 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

-*Nguyên đơn:* Bà Đào Thị N, sinh năm 1956 (có mặt);

Địa chỉ: ấp K, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

-*Bị đơn*: Ông Đào Văn U, sinh năm 1966 (có mặt);

Địa chỉ: ấp T, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Đào Văn Ng, sinh năm 1953 (có mặt);

Địa chỉ: ấp T, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Đào Văn L, sinh năm 1959 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: ấp T, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3. Đào Thị Ch, sinh năm 1962 (có mặt);

Địa chỉ: ấp Tây 2, xã Long Định, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

4. Đào Thị M, sinh năm 1967;

Địa chỉ: xã L, Thành Phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Người đại diện theo ủy quyền của bà M là bà Đào Thị N, sinh năm 1956 (có mặt);

Địa chỉ: ấp K, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (Theo văn bản ủy quyền ngày 20/1/2017).

5. Phạm Thị Ph, sinh năm 1973 (có mặt);

6. Đào Thị Th, sinh năm 1996 (vắng mặt);

7. Đào Văn T, sinh năm 1999 (có mặt);

Cùng địa chỉ: ấp T, xã L, huyện C, Tiền Giang.

8. Đào Thị D, sinh năm 1995 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp 15, xã Long Trung, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

-*Người kháng cáo:* Bị đơn ông Đào Văn U.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn Đào Thị N trình bày:

Ông Đào Văn M, chết năm 1972 và bà Lê Thị S, chết năm 2011 là cha mẹ của bà N và ông U. Ông M và bà S có 07 người con gồm Đào Văn Ng sinh năm 1953, Đào Xuân H sinh 1955(chưa có vợ con, chết năm 1979 được công nhận là Liệt sĩ), Đào Thị N sinh năm 1956, Đào Văn L sinh năm 1959, Đào Thị Ch sinh năm 1962, Đào Văn U sinh năm 1966 và Đào Thị M sinh năm 1967. Ông M chết đã lâu, lúc sinh thời bà S có tạo lập số tài sản như sau: Diện tích đất thổ quả 1.380m^2 (diện tích còn lại sau khi giải tỏa) thuộc thửa 1042, tờ bản đồ số 1 (trên phần đất này bà Lê Thị S được tặng cho 01 ngôi nhà tình nghĩa) và diện tích 5.893m^2 đất ruộng thuộc thửa 1039, tờ bản đồ số 1, cùng tọa lạc tổ 13, ấp T, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang hai thửa đất trên do bà S đứng tên cùng số tiền giải tỏa đền bù 182.252.000 đồng mà ông Đào Văn U đang quản lý là di sản thừa kế do bà Lê Thị S chết để lại. Đến năm 2011 bà S chết không để lại di chúc, tất cả tài sản trên hiện tại ông U đang quản lý sử dụng.

Nay bà N khởi kiện yêu cầu công nhận toàn bộ diện tích đất thổ quả 1.380m^2 (diện tích còn lại sau khi giải tỏa) thuộc thửa 1042, tờ bản đồ số 1 (trên phần đất có cho 01 ngôi nhà tình nghĩa) và diện tích 5.893m^2 đất ruộng thuộc thửa 1039, tờ bản đồ số 1 tại tổ 13, ấp T, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang cùng số tiền giải tỏa đền bù 182.252.000 đồng mà ông Đào Văn U đang quản lý là di sản thừa kế do bà Lê Thị S chết để lại. Buộc ông Đào Văn U phải chia đều cho những người thừa kế theo quy định pháp luật, bà N yêu cầu được nhận giá trị.

Bị đơn ông Đào Văn U trình bày:

Ông không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà N và Bà Ch do trước đây ông Đào Văn M và bà Lê Thị S do ông U chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi chết và chôn cất, mai táng. Đối với căn nhà cất năm 2007 là ngôi nhà tình nghĩa, trong thời gian sinh sống ông có bỏ tiền tu bổ, phần tài sản này bà S đã cho ông. Nay bà N, bà M và Bà Ch khởi kiện chia thừa kế ông không đồng ý, ông yêu cầu khi Tòa án xét xử phải có mặt đầy đủ các anh chị em.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Đào Thị Ch trình bày:

Bà Ch thống nhất với lời trình bày của bà N về hàng thừa kế và di sản thừa kế. Nay Bà Ch khởi kiện yêu cầu công nhận toàn bộ diện tích đất thổ quả 1.380m^2 (diện tích còn sau khi giải tỏa) thuộc thửa 1042, tờ bản đồ số 1 (trên phần đất này bà Lê Thị S được tặng cho 01 ngôi nhà tình nghĩa) và diện tích 5.893m^2 đất ruộng thuộc thửa 1039, tờ bản đồ số 1, tại tổ 13, ấp T, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang cùng số tiền giải tỏa đền bù 182.252.000 đồng mà ông Đào Văn U đang quản lý là di sản thừa kế do bà Lê Thị S chết để lại. Buộc ông Đào Văn U phải chia đều cho những người thừa kế theo quy định pháp luật, Bà Ch yêu cầu được nhận giá trị.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Đào Thị M trình bày:

Bà thống nhất với lời trình bày của bà N. Nay bà khởi kiện yêu cầu công nhận toàn bộ diện tích đất thổ quả 1.380m^2 (diện tích còn lại hiện nay sau khi giải tỏa) thuộc thửa 1042, tờ bản đồ số 1 (trên phần đất này bà Lê Thị S là mẹ của bà M được tặng cho 01 ngôi nhà tình nghĩa) và diện tích 5.893m^2 đất ruộng thuộc thửa 1039 tờ bản đồ số 1 tại tổ 13, ấp T, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang cùng số tiền giải tỏa đền bù 182.252.000 đồng mà ông Đào Văn U đang quản lý là di sản thừa kế do bà Lê Thị S chết để lại. Buộc ông Đào Văn U phải chia đều cho những người thừa kế theo quy định pháp luật, bà M yêu cầu được nhận giá trị.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Đào Văn Ng trình bày:

Bà Lê Thị S và ông Đào Văn M là cha mẹ của ông, lúc bà S chết để lại di sản gồm 01 căn nhà được cất trên thửa đất 1042 tờ bản đồ số 1, trên thửa đất này ông U có trồng một số loại cây lâu năm và 05 công đất ruộng thuộc thửa 1039. Nay bà N, Bà Ch và bà M kiện chia thừa kế đối với phần di sản nêu trên ông không có ý kiến, phần của ông được hưởng ông cho lại Đào Thị M và Đào Thị Ch. Đối với số tiền đền bù giải tỏa đất là 182.252.000 đồng ông không có ý kiến, nếu được chia ông để lại cho Đào Văn U.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Đào Văn L trình bày:

Ông thống nhất với lời trình bày của ông Đào Văn Ng. Đối với yêu cầu chia thừa kế của bà N, Bà Ch và bà M ông không có ý kiến, phần của ông được hưởng ông cho lại Đào Thị M và Đào Thị Ch. Đối với số tiền đền bù giải tỏa đất là 182.252.000 đồng ông không có ý kiến, nếu được chia ông để lại cho Đào Văn U.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Ph, chị Đào Thị Th và chị Đào Thị D trình bày:

Bà Ph là vợ của ông U, chị Th và chị D là con của ông U, phần tài sản bà N, Bà Ch và bà M khởi kiện ông U chia thừa kế thì Bà Ph, chị Th và chị D không đồng ý.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Đào Văn T đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do nên không thể thu thập được ý kiến của anh T về yêu cầu khởi kiện của bà N, Bà Ch và bà M.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Bà Đào Thị N là nguyên đơn và là đại diện ủy quyền của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Đào Thị M trình bày: Đối với ngôi nhà trên thửa đất 1042 bà N không có yêu cầu chia và giao cho ông U hưởng thừa kế.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Đào Thị Ch trình bày: Bà yêu cầu được nhận giá trị số tiền 50.000.000 đồng, đối với ngôi nhà trên thửa đất 1042 Bà Ch không yêu cầu chia và giao cho ông U hưởng thừa kế.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Đào Văn Ng và Đào Văn L trình bày: Yêu cầu ông Đào Văn U phải chia đều di sản của bà S cho những người thừa kế theo quy định pháp luật, phần thừa kế của ông Ng và ông L không nhận mà cho ông U được hưởng thừa kế. Đối với ngôi nhà trên thửa đất 1042 ông Ng và ông L không có yêu cầu chia và giao cho ông U hưởng thừa kế.

Bản án dân sự sơ thẩm số 423/2019/DS-ST ngày 30 tháng 11 năm 2019 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng Điều 26, 35, 39, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, 609, 610, 611, 612, 613, 614, 616, 618, 623, 649, 650, 651, 658, 660 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Đào Thị N. Chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đào Thị Ch, Đào Thị M về việc chia thừa kế đối với phần di sản của bà Lê Thị S.

Ghi nhận sự tự nguyện nhường một phần kỷ phần thừa kế là phần căn nhà của nguyên đơn Đào Thị N, người có nghĩa vụ và quyền lợi liên quan Đào Thị Ch, Đào Thị M, Đào Văn Ng và Đào Văn L cho ông Đào Văn U.

Ghi nhận sự tự nguyện nhường toàn bộ kỷ phần thừa kế là đất của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đào Văn Ng và ông Đào Văn L cho ông Đào Văn U.

Bị đơn Đào Văn U có nghĩa vụ giao cho nguyên đơn Đào Thị N 141.823.000đ (Một trăm bốn mươi mốt triệu tám trăm hai mươi ba ngàn đồng);

Bị đơn Đào Văn U có nghĩa vụ giao cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đào Thị M 141.823.000đ (Một trăm bốn mươi mốt triệu tám trăm hai mươi ba ngàn đồng);

Bị đơn Đào Văn U có nghĩa vụ giao cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đào Thị Ch 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng);

Kể từ ngày bà N, Bà Ch, bà M có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn Đào Văn U chậm trả tiền còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả theo qui định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Giao cho Ông Đào Văn U hưởng thừa kế các di sản sau:

- 1.508,8m^2 thuộc thửa số 1042 tờ bản đồ 1, tại ấp T, xã L, huyện C, Tiền Giang. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00393/QSDĐ/LĐ do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 24/6/1997 đứng tên Lê Thị S và tài sản gắn liền với đất. Có vị trí địa lý như sau:

+ Đông giáp đường kênh Nguyễn Tấn Thành,

+ Tây giáp thửa đất Lê Thị S (do Đào Văn U quản lý),

+ Nam giáp thửa đất Đào Văn Phương,

+ Bắc giáp kênh và bờ đi.

(Có sơ đồ kèm theo)

- Một căn nhà diện tích 218,4m^2. Kết cấu cột bê tông, vách tường nền gạch men và xi măng, mái tôn xi măng được xây cất trên thửa đất 1042.

- 5.556,6m^2 thuộc thửa số 1039 tờ bản đồ 1, tại ấp T, xã L, huyện C, Tiền Giang. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00393/QSDĐ/LĐ do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 24/6/1997 đứng tên Lê Thị S. Có vị trí địa lý như sau:

+ Đông giáp thửa đất Lê Thị S (do Đào Văn U quản lý) và đất của Đào Văn Phương.

+ Tây giáp thửa đất Đào Văn L.

+ Nam giáp thửa đất Đặng Minh Thành,

+ Bắc giáp kênh và bờ đi.

(Có sơ đồ kèm theo)

2. Về án phí:

- Bà N phải chịu 7.091.150 đồng, được trừ vào 1.250.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 25522 ngày 06/01/2017 Chi cục thi hành án dân sự huyện C, nên phải nộp tiếp 5.841.150 đồng.

- Bà Ch phải chịu 2.500.000 đồng, được trừ vào 1.250.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 26908 ngày 09/02/2018 Chi cục thi hành án dân sự huyện C, nên phải nộp tiếp 1.250.000 đồng.

- Bà M phải chịu 7.091.150 đồng, được trừ vào 1.250.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008346 ngày 31/5/2018 Chi cục thi hành án dân sự huyện C, nên phải nộp tiếp 5.841.150 đồng.

- Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho ông Đào Văn U.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của đương sự.

* Ngày 02 tháng 12 năm 2019, bị đơn ông Đào Văn U có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đào Thị N và yêu cầu độc lập của bà Đào Thị M, bà Đào Thị Ch để ông được toàn quyền sử dụng phần đất tranh chấp và số tiền đền bù.

** Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự trình bày, tranh luận:*

- Nguyên đơn bà Đào Thị N, đồng thời cũng là đại diện ủy quyền của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Đào Thị M giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu công nhận toàn bộ diện tích đất thổ quả 1.380m^2 (diện tích còn lại hiện nay sau khi giải tỏa) thuộc thửa 1042, tờ bản đồ số 1; diện tích 5.893m^2 đất ruộng thuộc thửa 1039, tờ bản đồ số 1, tại tổ 13, ấp T, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang và số tiền giải tỏa đền bù 182.252.000 đồng mà ông Đào Văn U đang quản lý là di sản thừa kế do bà Lê Thị S chết để lại. Bà không đồng ý yêu cầu kháng cáo của ông U, yêu cầu Tòa án giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Bị đơn ông Đào Văn U không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà N, Bà Ch và bà M. Ông yêu cầu được toàn quyền sử dụng đất tranh chấp và số tiền giải tỏa đền bù là 182.252.000 đồng. Ông cho rằng khi bà S còn sống bà S đã lập di chúc giao cho ông quản lý, sử dụng toàn bộ di sản nêu trên.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Đào Thị Ch thống nhất với lời trình bày của bà N, yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật, bà xin nhận kỷ phần bằng giá trị là số tiền 50.000.000 đồng.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Đào Văn Ng thống nhất với lời trình bày của bà Đào Thị N, tuy nhiên phần thừa kế của ông thì ông không nhận mà cho ông U được hưởng.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu:

+ Về tố tụng: Kể từ ngày thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Căn cứ vào hồ sơ, tài liệu, lời trình bày của các bên đương sự và diễn biến tại phiên tòa phúc thẩm cho thấy: Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn Đào Văn U không cung cấp bổ sung tài liệu chứng cứ gì khác so với cấp sơ thẩm. Xét thấy tài sản mà các bên đương sự tranh chấp hiện ông Đào

Văn U quản lý sử dụng, nhưng chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác lập quyền sở hữu theo quy định của pháp luật, di chúc mà ông U cho rằng mẹ ông thực hiện khi còn sống xét thấy không hợp pháp nên không có cơ sở xem xét. Do đó, cần xác định các tài sản đang tranh chấp là di sản thừa kế của bà Lê Thị S để lại, do có tranh chấp của những đồng thừa kế Tòa án cấp sơ thẩm đã phân chia theo pháp luật trên cơ sở yêu cầu của các đương sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Đào Văn U và giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét xác định mối quan hệ tranh chấp, thẩm quyền và áp dụng pháp luật trong việc giải quyết vụ án đúng quy định pháp luật dân sự và tố tụng dân sự trong giai đoạn xét xử sơ thẩm.

[2] Xét thấy những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đào Văn L có đơn xin vắng mặt; chị Đào Thị Th đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Nhận thấy việc vắng mặt của các đương sự không làm ảnh hưởng đến việc xét xử, Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông Đào Văn U tiếp tục giữ nguyên yêu cầu kháng cáo: Yêu cầu tòa án cấp phúc thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đào Thị N, yêu cầu độc lập của bà Đào Thị M và Đào Thị Ch để ông được toàn quyền sử dụng đất tranh chấp và số tiền đền bù là 182.252.000 đồng. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[3.1] Về hàng thừa kế:

Bà Lê Thị S sinh năm 1927, chết năm 2011 và ông Đào Văn M (chết năm 1972) có 07 người con, trong đó có ông Đào Xuân Huệ sinh 1955, chết năm 1979 chưa có vợ con, được công nhận là Liệt sĩ. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định hàng thừa kế thứ nhất của bà S gồm: Đào Văn Ng sinh năm 1953; Đào Thị N sinh năm 1956; Đào Văn L sinh năm 1959; Đào Thị Ch sinh năm 1962; Đào Văn U sinh năm 1966; Đào Thị M sinh năm 1967 là có căn cứ.

[3.2] Về di sản thừa kế:

Các đương sự thống nhất xác định, di sản thừa kế do bà S để lại gồm:

- Thửa số 1042, tờ bản đồ 1, diện tích 1.508,8m^2 và thửa số 1039, tờ bản đồ 1, diện tích 5.556,6m^2. Hai thửa đất đều tọa lạc tại ấp T, xã L, huyện C, Tiền Giang, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00393/QSDĐ/LĐ do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 24/6/1997 đứng tên Lê Thị S.

- Số tiền đền bù giải tỏa của thửa 1042 là 182.252.675 đồng (ông U đã

nhận).

- Một căn nhà diện tích 218,4m^2. Kết cấu cột bê tông, vách tường nền gạch men và xi măng, mái tôn xi măng.

Nguyên đơn bà Đào Thị N, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là bà Đào Thị Ch và bà Đào Thị M đều thống nhất yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật di sản do bà S để lại, các bà yêu cầu nhận giá trị. Riêng đối với căn nhà trên thửa đất 1042 thì thống nhất giao cho ông U hưởng thừa kế, không yêu cầu chia.

Ông Đào Văn L và ông Đào Văn Ng đồng ý nhường kỷ phần thừa kế lại cho ông U, Bà Ch tự nguyện nhận 50.000.000 đồng cho kỷ phần của mình. Đây là ý chí tự nguyện của ông L, ông Ng, Bà Ch nên được tòa án cấp sơ thẩm ghi nhận.

Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Đào Văn U, ông U cho rằng mẹ ông là bà Lê Thị S có 7 người con, ông là út nên được hưởng 05 công đất, ông đã nuôi dưỡng cha mẹ đến già, thờ cúng cha mẹ và anh ruột là ông Đào Xuân H nên ông không đồng ý chia di sản của bà S để lại. Ngoài ra, bà S có lập di chúc ngày 19/12/2008 để lại 7.966m^2 đất tọa lạc ở ấp T, xã L theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00343/QSDĐ cấp ngày 24/6/1997 cho ông. Đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Xét thấy tờ di chúc được lập ngày 19/12/2008, ông U trình bày là do người khác viết hộ, sau đó cầm tay bà S ký vào di chúc, ông cùng ký vào tờ di chúc, người viết hộ di chúc đã chết, rồi đem đến Ban quản lý ấp xác nhận là không phù hợp với qui định tại Điều 656 Bộ luật dân sự 2005. Do đó, cần xác định bà S chết không để lại di chúc và chia di sản thừa kế của bà S theo pháp luật.

Do ông U là người có công chăm sóc nuôi dưỡng bà S, sau khi bà S chết ông U là người tổ chức ma chay, cúng giỗ hàng năm. Ông cũng là người trực tiếp quản lý sử dụng, cải tạo đất từ khi bà S còn sống cho đến nay. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xem xét công sức đóng góp của ông U tương đương với là 20% giá trị di sản và giao cho ông U được tiếp tục quản lý di sản là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Từ những ý kiến của các bên đương sự, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy nội dung kháng cáo của bị đơn Đào Văn U không có cơ sở để chấp nhận, do đó cần giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 423/2019/DS-ST ngày 30 tháng 11 năm 2019 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

[5] Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của bị đơn Đào Văn U không được chấp nhận nên ông U phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm, do ông U là

người có công với cách mạng thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí nên ông U được miễn nộp tiền án phí dân sự phúc thẩm.

[7] Những quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308; Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, 609, 610, 611, 612, 613, 614, 616, 618, 623, 649, 650, 651, 658, 660 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Đào Văn U.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 423/2019/DS-ST ngày 30 tháng 11 năm 2019 của Toà án nhân dân huyện C.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Đào Thị N. Chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đào Thị Ch, Đào Thị M về việc chia thừa kế đối với phần di sản của bà Lê Thị S.

Ghi nhận sự tự nguyện nhường một phần kỷ phần thừa kế là phần căn nhà của nguyên đơn Đào Thị N, người có nghĩa vụ và quyền lợi liên quan Đào Thị Ch, Đào Thị M, Đào Văn Ng và Đào Văn L cho ông Đào Văn U.

Ghi nhận sự tự nguyện nhường toàn bộ kỷ phần thừa kế là đất của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đào Văn Ng và ông Đào Văn L cho ông Đào Văn U.

Bị đơn Đào Văn U có nghĩa vụ giao cho nguyên đơn Đào Thị N 141.823.000đ (Một trăm bốn mươi mốt triệu tám trăm hai mươi ba ngàn đồng);

Bị đơn Đào Văn U có nghĩa vụ giao cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đào Thị M 141.823.000đ (Một trăm bốn mươi mốt triệu tám trăm hai mươi ba ngàn đồng);

Bị đơn Đào Văn U có nghĩa vụ giao cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đào Thị Ch 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng);

Kể từ ngày bà N, Bà Ch, bà M có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn Đào Văn U chậm trả tiền còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả theo qui định tại khoản 2 điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Giao cho Ông Đào Văn U hưởng thừa kế các di sản sau:

- 1.508,8m^2 đất thuộc thửa số 1042 tờ bản đồ 1, tại ấp T, xã L, huyện C,

Tiền Giang. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00393/QSDĐ/LĐ do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 24/6/1997 đứng tên Lê Thị S và tài sản gắn liền với đất. Có vị trí địa lý như sau:

+ Đông giáp đường kênh Nguyễn Tấn Thành,

+ Tây giáp thửa đất Lê Thị S (do Đào Văn U quản lý),

+ Nam giáp thửa đất Đào Văn Phương,

+ Bắc giáp kênh và bờ đi.

(Có sơ đồ kèm theo)

- Một căn nhà diện tích 218,4m^2. Kết cấu cột bê tông, vách tường nền gạch men và xi măng, mái tôn xi măng được xây cất trên thửa đất 1042.

- 5.556,6m^2 đất thuộc thửa số 1039 tờ bản đồ 1, tại ấp T, xã L, huyện C, Tiền Giang. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00393/QSDĐ/LĐ do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 24/6/1997 đứng tên Lê Thị S. Có vị trí địa lý như sau:

+ Đông giáp thửa đất Lê Thị S (do Đào Văn U quản lý) và đất của Đào Văn Phương.

+ Tây giáp thửa đất Đào Văn L.

+ Nam giáp thửa đất Đặng Minh Thành,

+ Bắc giáp kênh và bờ đi.

(Có sơ đồ kèm theo)

2. Về án phí:

2.1 Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà N phải chịu 7.091.150 đồng, được trừ vào 1.250.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 25522 ngày 06/01/2017 Chi cục thi hành án dân sự huyện C, nên phải nộp tiếp 5.841.150 đồng.

- Bà Ch phải chịu 2.500.000 đồng, được trừ vào 1.250.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 26908 ngày 09/02/2018 Chi cục thi hành án dân sự huyện C, nên phải nộp tiếp 1.250.000 đồng.

- Bà M phải chịu 7.091.150 đồng, được trừ vào 1.250.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008346 ngày 31/5/2018 Chi cục thi hành án dân sự huyện C, nên phải nộp tiếp 5.841.150 đồng.

- Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho ông Đào Văn U.

2.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm cho ông Đào Văn U.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi

hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án;

Lê Hoàng Hiệp